

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 31 – 10 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Ông Dương Xuân Đính.

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 410/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX - ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm N, xã UN, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Bá K**, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã UN, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội; hiện đang cải tạo tại: Phân trại 1 trại giam VQ, xã ĐT, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Vũ Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh Đặng Bá K kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 11/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình chị Nga ở thôn Ngoài, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh K hay đánh đập chị nhưng chị vẫn cố nín nhịn vì con. Năm 2008, anh K đi chấp hành

án 36 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, năm 2011 chấp hành xong. Đến năm 2013, anh K tiếp tục bị bắt và bị Tòa án xử 10 năm 06 tháng tù. Anh chị cưới nhau được 12 năm nhưng thực tế thời gian chung sống với nhau rất ít. Khi anh K bị bắt năm 2013 chị đã có ý định ly hôn nhưng vì thương con và cũng muốn anh K an tâm cải tạo nên chị chưa làm đơn. Đến nay thời hạn cải tạo của anh K cũng đã sắp hết, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn anh K.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Hoàng A, sinh 22/9/2009 và Đặng Quỳnh A1, sinh 12/8/2012. Hiện nay các con chung đều đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con vì anh K chưa chấp hành án xong. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung công sức và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị N vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu.

[2]. Quan điểm của bị đơn – anh Đặng Bá K:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh Đặng Bá K đồng ý với ý kiến của chị N về thời điểm và hoàn cảnh kết hôn cũng như quá trình chung sống. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở xóm N, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến ngày 01/10/2013, anh bị bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử 10 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Anh kháng cáo nhưng sau đó lại rút đơn kháng cáo, ngày 25/8/2014 anh chuyển về chấp hành án tại trại giam VQ. Từ khi bị bắt đến khi cải tạo tại trại giam VQ vợ chồng vẫn bình thường, chị N vẫn thường xuyên đến thăm nom anh. Lần cuối cùng chị N thăm anh là vào tháng 01/2019, khi đó chị N nói chuyện với anh là sẽ làm đơn ly hôn, chị chỉ nói ly hôn vì không hợp chứ không nói lý do nào khác. Anh có nói với chị là đợi năm 2020 anh về sẽ giải quyết thế nào cũng được nhưng chị N không đồng ý. Từ đó đến nay chị N không lên thăm anh nữa.

Nay chị N có yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Mặc dù vợ chồng đã xa nhau hơn 06 năm kể từ ngày anh bị bắt nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị, nếu ly hôn thì sau khi anh chấp hành án xong sẽ ly hôn. Nếu chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Hoàng A, sinh 22/9/2009 và Đặng Quỳnh A1, sinh 12/8/2012. Hiện nay các con chung đều đang ở với chị N. Nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, sau khi anh chấp hành án xong sẽ làm thủ tục về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Anh xác định không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

Do anh đang chấp hành án nên không thể về Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy anh giữ nguyên lời khai trên và đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại tất cả các phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N về việc ly hôn với anh Đặng Bá K.

Về con chung: Giao cả 02 con chung là Đặng Hoàng A, sinh 22/9/2009 và Đặng Quỳnh A1, sinh 12/8/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con vì các bên không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Chị Vũ Thị N và anh Đặng Bá K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Anh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh chị cưới nhau được 12 năm nhưng thực tế thời gian ở với nhau rất ít, trong 12 năm đó anh K chủ yếu phải đi chấp hành án. Anh K xác định vợ chồng chung sống bình thường nhưng anh K cũng thừa nhận phải đi chấp hành án từ năm 2013 đến nay.

Đại diện chính quyền địa phương cung cấp ý kiến: Chị N và anh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UN ngày 11/12/2007. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống tại xóm N, xã UN. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị địa phương không nắm rõ vì chưa khi nào địa phương phải hòa giải mâu thuẫn của anh chị. Tuy nhiên, chính quyền địa phương xác nhận từ khi kết hôn đến nay anh K đã nhiều lần phải đi chấp hành án, thời gian anh chị chung sống với nhau rất ít. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét mâu thuẫn của

anh chị giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên.

Xét thấy: Anh kết hôn từ năm 2007, năm 2008 anh K chấp hành án 36 tháng tù, năm 2011 về địa phương. Đến năm 2013 anh K lại tiếp tục bị bắt, bị xét xử sau đó phải chấp hành hình phạt 10 năm 06 tháng tù. Như vậy anh chị kết hôn được 12 năm nhưng thời gian anh chị chung sống chỉ khoảng 03 năm, thời gian còn lại anh K phải đi chấp hành án vì nhiều tội khác nhau. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K. Anh K không đồng ý ly hôn nhưng xác định anh chị sống không hạnh phúc, anh K không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh K theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị đều xác định có 02 con chung là Đặng Hoàng A, sinh 22/9/2009 và Đặng Quỳnh A1, sinh 12/8/2012. Hiện nay, các con đều ở với chị N, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy nên tiếp tục để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N với anh Đặng Bá K. Chị Vũ Thị N được ly hôn anh Đặng Bá K.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác định chị Vũ Thị N với anh Đặng Bá K có 02 con chung là Đặng Hoàng A, sinh 22/9/2009 và Đặng Quỳnh A1, sinh 12/8/2012.

Giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Không giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không có yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị N phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008764 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã UN, huyện ĐA.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuyền

